

Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam: Thực trạng và một số hàm ý chính sách

NGUYỄN BÍCH THÙY

Tóm tắt

Dựa trên bộ dữ liệu và báo cáo của Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê, cùng tổng quan một số nghiên cứu trên thế giới, bài viết thực hiện đánh giá hiệu quả quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn 2016-2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả kinh tế nhìn chung ở mức tốt khi các chỉ số, như: Tài sản, Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế hoặc các chỉ số, như: Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA), Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều có chuyển biến tích cực, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mục tiêu về quản lý, như: cơ cấu lại phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đã bước đầu đạt yêu cầu đề ra, nhưng còn một số dự án chậm tiến độ. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả khuyến nghị một số giải pháp, nhằm cải thiện hoạt động quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: quản lý vốn nhà nước, doanh nghiệp, ROA, ROE

Summary

Based on the data set and reports of the Government, the Ministry of Finance, and the General Statistics Office, and an overview of some studies in the world, the article evaluates the effectiveness of state capital management in enterprises in Vietnam in 2016-2022. The research results show that economic efficiency is generally good when indicators such as Assets, Revenue, and Profit before tax or indicators such as return on assets (ROA) and return on equity (ROE) all have positive changes, contributing significantly to the country's socio-economic development. Management goals such as restructuring state capital in enterprises have initially met the set requirements, but some projects are still behind schedule. From the research results, the author recommends several solutions to improve state capital management activities in enterprises in Vietnam.

Keywords: state capital management, enterprise, ROA, ROE

GIỚI THIỆU

Tuy Nhà nước đã có những đổi mới trong việc quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, như: cơ chế quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đã được ban hành và sửa đổi theo từng giai đoạn; đã có khung khổ pháp lý từ khâu đầu tư, đến quản lý, giám sát quá trình sử dụng vốn..., nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh và đóng góp của nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực nhà nước đầu tư; thua lỗ, thất thoát lớn; cơ chế quản lý chậm đổi mới... (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2017); chưa đảm bảo hài hòa về lợi ích, tính công bằng, thị trường (Bộ Tài chính, 2024). Do đó, việc xem xét và đánh giá thực trạng quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp dưới góc độ hiệu quả về thị trường là cần thiết và có ý nghĩa trong thực tiễn kinh doanh và quản lý.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Khái niệm vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Theo Khoản 8, Điều 3, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (gọi tắt là Luật số 69) quy định: “Vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm vốn từ ngân sách nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp”.

Tiêu chí đánh giá quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Ở Việt Nam, Điều 4, Luật số 69 đã đưa ra các mục tiêu trong đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gồm: (1) Thực hiện định hướng, điều

* Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội | Email: Bichthuyneh@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/10/2024; Ngày phản biện: 24/11/2024; Ngày duyệt đăng: 09/12/2024

tiết, ổn định kinh tế vĩ mô mang tính chiến lược trong từng thời kỳ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) Đổi mới, nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (3) Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo đó, báo cáo của Chính phủ hàng năm về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp cũng tập trung vào các số liệu về tài chính và một số đánh giá định tính, cũng như định lượng về nội dung cơ bản hóa, thoái vốn ở các doanh nghiệp. Căn cứ vào tình hình tổng quan nghiên cứu, gắn với thực tiễn quản lý và số liệu ở Việt Nam, tác giả đề xuất các tiêu chí đánh giá quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam như Bảng 1.

Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu được sử dụng trong bài viết chủ yếu là báo cáo về quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp từ Chính phủ, Bộ Tài chính và số liệu của Tổng cục Thống kê được công khai trên trang website chính thức của các đơn vị này trong giai đoạn 2016-2022. Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh được sử dụng để phân tích dữ liệu, từ đó làm rõ hiệu quả của quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp qua các năm.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước đã thực hiện được vai trò, nhiệm vụ chủ sở hữu vốn giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết kinh tế, ổn định vĩ mô, bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế; có sự tăng trưởng đáng kể về quy mô doanh nghiệp và có đóng góp số thu cho ngân sách nhà nước (Bảng 2).

Về hiệu quả kinh tế

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, các doanh nghiệp có vốn nhà nước đã có sự chuyển đổi hoạt động tích cực. Năm 2020, do tác động nặng nề của dịch Covid-19, nên hoạt động sản xuất, kinh doanh khó khăn. Tuy nhiên, trong hai năm (2021, 2022), các doanh nghiệp có sự cải thiện về các chỉ số tài chính, như: tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, ROA, ROE. Khu vực nhà nước đóng góp 20,54% tổng sản phẩm trong nước (GDP) (Tổng cục Thống kê, 2024) và 27,8% vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023 (Hà Huy Ngọc, 2024). Đây được coi là một tín hiệu tích cực và là kết quả đáng khích lệ từ việc quản lý hiệu quả đầu tư vốn nhà nước. Sau khi thực hiện cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước, có thể thấy, phần tăng thêm đáng kể của các doanh nghiệp có vốn nhà nước vào ngân sách.

Về hiệu quả xã hội

Doanh nghiệp nhà nước mang lại khoảng 7,9% việc làm cho người lao động trong năm 2023 (Tổng cục Thống kê, 2024), tạo việc làm cho gần một triệu người lao động và có mức thu nhập tương đối ổn định so với thực trạng của kinh tế Việt Nam trong thời gian qua (Bộ Tài chính, 2024)...

BẢNG 1: CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp đánh giá và/hoặc tiêu chí đánh giá
1	Kinh tế	Các tiêu chí đánh giá về kinh tế về hiệu quả vốn nhà nước tại doanh nghiệp sử dụng các con số về tài chính như đối với các doanh nghiệp thông thường: - Tổng tài sản - Tổng doanh thu - Lợi nhuận trước thuế - ROA, ROE
2	Xã hội	Các tiêu chí phản ánh đóng góp xã hội từ vốn nhà nước tại doanh nghiệp thể hiện ở: - Số lượng việc làm trong doanh nghiệp nhà nước - Số tiền nộp ngân sách nhà nước từ doanh nghiệp có vốn nhà nước - Khả năng cung ứng các dịch vụ công ích và thúc đẩy trình độ công nghệ, kinh tế địa phương
3	Quản lý	Việc đánh giá hiệu quả quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tập trung vào đánh giá định tính và định lượng về việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Các tiêu chí định lượng quan tâm gồm: - Tổng đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp - Số lượng doanh nghiệp thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước - Tổng tiền thu từ thoái vốn và cơ cấu lại vốn

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu

BẢNG 2: MỘT SỐ TIÊU CHÍ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Tỷ đồng

Các tiêu chí	2016	2020	2021	2022
Số doanh nghiệp	583	807	826	827
Tổng tài sản (% thay đổi so với năm trước)	3.053.547 (3,7%)	3.674.627 (1%)	3.749.867 (2%)	3.927.466 (4%)
Tổng doanh thu (% thay đổi so với năm trước)	1.515.821 (-1%)	1.986.873 (-12%)	2.128.254 (8%)	2.752.607 (29%)
Lợi nhuận trước thuế (% thay đổi so với năm trước)	139.658 (-14%)	162.904 (-22%)	205.045 (25%)	247.905 (23%)
ROA (% thay đổi so với năm trước)	+ Tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ - con: 4,5% (-1%) + Doanh nghiệp độc lập: 6% (1%)	4% (-2%)	5% (1%)	6% (1%)
ROE (% thay đổi so với năm trước)	+ Tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ - con: 10% (-2%) + Doanh nghiệp độc lập: 9,9% (0,3%)	9% (-3%)	11% (2%)	13% (2%)
Nộp ngân sách				
- Tổng số	251.845	307.869	323.876	391.550
- Tỷ lệ % trong tổng ngân sách nhà nước	24,82%	76%	75%	75%
- Thay đổi so với năm trước	-7%	-14%	6%	21%

Ghi chú: Năm 2016 chỉ tính các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giai đoạn 2020-2022 tính các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Nguồn: Chính phủ (2017, 2021, 2022, 2023), Bộ Tài chính (2024)

Sau khi thực hiện cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước, có thể thấy rõ phần đóng góp tăng thêm đáng kể của các doanh nghiệp có vốn nhà nước vào ngân sách. Mức nộp ngân sách của các doanh nghiệp này chiếm đến 75% trong tổng số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước từ năm 2020 đến năm 2022 (Bảng 2).

BẢNG 3: SỐ LƯỢNG CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀ TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2022

Năm	Số doanh nghiệp được bổ sung vốn điều lệ, đầu tư thành lập mới	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)
2016	132	22.116
2017	132	61.477
2018	144	33.667,47
2019	85	21.182,98
2020	94	16.109,65
2021	86	42.904,5
2022	79	6.362

Nguồn: Bộ Tài chính (2024)

Ngoài ra, doanh nghiệp có vốn nhà nước vẫn tiếp tục đóng vai trò thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, như: năng lượng, kết cấu hạ tầng, dịch vụ viễn thông.

Đánh giá hiệu quả quản lý

Về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Theo báo cáo của Bộ Tài chính (2024), phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong thời gian qua đã thu hẹp, không còn dàn trải và được sắp xếp theo hướng tập trung đầu tư vào 4 lĩnh vực: (i) Doanh nghiệp cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thiết yếu xã hội; (ii) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; (iii) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; (iv) Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế. Trong giai đoạn 2016-2022, Nhà nước đã đầu tư 200.824,79 tỷ đồng (trong đó: các năm 2016-2017 là 83.593 tỷ đồng; giai đoạn 2018-2022 là 117.231,79 tỷ đồng) vào các doanh nghiệp (doanh nghiệp có vốn nhà nước, công ty TNHH hai thành viên trở lên) theo phạm vi quy định tại Luật số 69 (Bảng 3).

Về cơ cấu lại doanh nghiệp: Kết quả triển khai công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước từ năm 2016 đến hết năm 2022 cho thấy, có 173 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, với tổng giá trị doanh nghiệp là 443.155 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 206.757 tỷ đồng. Đã cổ phần hóa thành công một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, trong đó nhiều doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn và nhiều doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, như: Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp; Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Tổng Công ty Lương thực miền Nam; Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp; Tổng Công ty Thương mại Hà Nội... Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2016-2022, cả nước đã thực hiện thoái 25.017 tỷ đồng vốn nhà nước và vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các đơn vị, qua đó thu về 171.547 tỷ đồng (Bộ Tài chính, 2024).

Nguồn tiền thu từ cổ phần hóa và thoái vốn đã được tập trung về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, để bổ sung vốn điều lệ cho doanh

nh nghiệp, sau đó được chuyển nộp vào ngân sách nhà nước, nhằm phục vụ đầu tư trung và dài hạn.

Một số hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, thực tế cho thấy, vẫn còn một số hạn chế trong hoạt động quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

Thứ nhất, một số doanh nghiệp nhà nước chưa rõ vai trò trong việc dẫn dắt, tạo động lực, thúc đẩy các thành phần khác phát triển. Hầu hết các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hoạt động trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn đều vận hành theo phương thức kín, chưa tạo điều kiện để các doanh nghiệp khác tham gia. Ít doanh nghiệp có sức cạnh tranh ở các ngành công nghệ cao, công nghiệp hiện đại, như: cơ khí chính xác; sản xuất chế tạo linh kiện, máy móc và thiết bị hoàn chỉnh...

Thứ hai, hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với nguồn lực và vốn nhà nước mà doanh nghiệp nắm giữ, một số dự án có lỗ lũy kế lớn, lỗ liên tiếp trong nhiều năm, tái cấu trúc chưa hiệu quả.

Thứ ba, chưa thực hiện đầy đủ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm để hoạt động theo cơ chế thị trường như pháp luật quy định...

Thứ tư, công tác đổi mới, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong điều hành sản xuất, kinh doanh còn chậm, chưa thực sự hướng theo các nguyên tắc và thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại. Chế độ đãi ngộ với người lao động chưa tạo được động lực gắn với trách nhiệm theo cơ chế thị trường...

Thứ năm, việc thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp chưa hiệu quả; tiến độ triển khai thoái vốn chậm, không đạt kế hoạch đề ra; chưa có chế tài đủ mạnh răn đe đối với việc không hoàn thành/không triển khai đúng kế hoạch về cổ phần hóa, thoái vốn.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Việc cải cách, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, cũng như ban hành Luật số 69 đã có những đóng góp đáng kể vào hoạt động kinh tế và nguồn lực của quốc gia. Các chỉ số về tài chính, như: tài sản, doanh thu, lợi nhuận, ROA, ROE và đóng góp trong ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp có vốn nhà nước có sự cải thiện tích cực trong giai đoạn 2016-2022, mặc dù chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước cũng đạt được hiệu quả khả quan khi đã đạt một số mục tiêu về cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm và một số dự án không hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

Hàm ý chính sách

Trong thời gian tới, để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu phát triển của đất nước, đồng thời khẳng định vai trò của khu vực nhà nước trong nền kinh tế, một số chính sách cần quan tâm trong thúc đẩy quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam như sau:

Một là, nhanh chóng hoàn thiện Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Theo đó, các vấn đề về chính sách, đặc biệt là quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thẩm quyền, trách nhiệm của Nhà nước với phần vốn góp tại doanh nghiệp cần rõ ràng, minh bạch hơn.

Hai là, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy doanh nghiệp có vốn góp nhà nước đổi mới quản trị theo nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế; hoàn thiện quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đổi mới cơ chế tiền lương, thù lao cho người lao động hợp lý, có

tính cạnh tranh và gắn với năng suất lao động động, hiệu quả kinh doanh.

Ba là, thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp.

Bốn là, có chế tài, phương án xử lý đủ mạnh đối với các trường hợp doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước không hiệu quả, các dự án thoái vốn chậm tiến độ...

Năm là, đẩy mạnh hoạt động thanh tra, giám sát sử dụng vốn nhà nước; có hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp và người quản lý theo các tiêu chí tổng thể. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2012), *Kết luận số 50-KL/TW, ngày 29/10/2012, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”*
2. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.*
3. Bộ Tài chính (2024), *Báo cáo số 86/BC-BTC, ngày 17/4/2024 về Tổng kết thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.*
4. Chính phủ (2017), *Báo cáo số 441/BC-CP, ngày 16/10/2017 về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2016.*
5. Chính phủ (2021), *Báo cáo số 399BC-CP, ngày 12/10/2021 về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2020.*
6. Chính phủ (2022), *Báo cáo số 400/BC-CP, ngày 11/10/2022 về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2021.*
7. Chính phủ (2023), *Báo cáo số 482/BC-CP, ngày 30/9/2023 về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2022.*
8. Đỗ Thị Thục, Nguyễn Thị Thu Hương (2011), *Quản lý vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp Việt Nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
9. Hà Huy Ngọc (2024), *Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024*, truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/887502/kinh-te-viet-nam-nam-2023-va-trien-vong-nam-2024.aspx>.
10. Kueng, Emil (1967), *The role of capital in economic development*, Intereconomics, <https://doi.org/10.1007/BF02930332>.
11. Minh Hùng (2023), *Chưa phát huy được vai trò chủ đạo của năng suất lao động nội ngành*, truy cập từ <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=80339#:~:text=N%C4%83ng%20su%E1%BA%A5t%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng%20c%E1%BB%A7a%20khu%20v%E1%BB%B1c%20doanh%20nghi%E1%BB%87p%20Nh%C3%A0,l%C3%A0%20t%C3%A0i%20nguy%C3%AAAn%20th%C3%AAAn%20nh%C3%AAAn>.
12. Nguyễn Thị Hà Quyên (2019), *Quản lý hoạt động thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
13. OECD (2024), *Recommendation of the Council on Guidelines on Corporate Governance of State-Owned Enterprises*, OECD/LEGAL/0414, retrieved from <https://legalinstruments.oecd.org/public/doc/323/323.en.pdf>.
14. Quốc hội (2014), *Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*, số 69/2014/QH13, ngày 26/11/2014.
15. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám Thống kê Việt Nam 2022*, Nxb Thống kê.
16. Tổng cục Thống kê (2024), *Cơ sở dữ liệu về số lao động có việc làm trong nền kinh tế phân theo loại hình kinh tế*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0238&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng>.
17. Wen Z, Song S. (2018), Reform logic and performance evaluation system reconstruction of state owned capital operation function separated from state owned enterprises, *Journal of Beijing University of technology and industry (SOCIAL SCIENCE EDITION)*, 2, 10-17.
18. Xiao H. Liao J. Lin X. (2021), *Construction of the Performance Evaluation System of State-owned Capital Investment Company*, E3S Web of Conferences 275, 03052 (2021) International Conference on Economic Innovation and Low-carbon Development (EILCD 2021), Beijing, China, <https://doi.org/10.1051/e3sconf/202127503052>.
19. Zhao Z. (2016), Research on the reform and performance appraisal of state owned capital investment companies, *Chinese chief accountant*, 9, 46-48.